

	VITAL TECHNICAL SDN. BHD.	 
	Tài liệu kỹ thuật	
	VT-218 / VT-218C Keo trám kính và kim loại	

Ngày ban hành: 31/03/08

Ngày cập nhật: 27/02/2023

Số cập nhật: 23-01

VT-218 / VT-218C Keo trám kính và kim loại

Neutral Silicone Sealant



GÓC HÓA HỌC

Silicone polymer

TRẠNG THÁI VẬT LÝ

Keo mềm
(Trước khi đóng rắn)
Cao su đàn hồi
(Sau khi đóng rắn)

MÀU SẮC

VT-218 – trong suốt
đồng đậm

VT-218C – Trắng

Đen
Xám
xám đậm

THỜI GIAN KHÔ BỀ MẶT

10 – 30 phút
(tại 25°C và độ ẩm
tương đối (R.H) 50%)

ĐÓNG GÓI

270 mL /ống (24
ống/thùng)

VT-218S

500 mL / 500 g / xúc
xích (20 xúc xích/thùng)

VT-218CS

500 mL / 670 g /
xúc xích (20 xúc
xích/thùng)

HẠN SỬ DỤNG

13 tháng

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo,
thông thoáng với nhiệt
độ môi trường thấp hơn
30°C

NHIỆT ĐỘ SỬ DỤNG

-20 °C – 50 °C

KHẢ NĂNG CHỊU NHIỆT

Lên đến 150°C

MÔ TẢ



VT-218 là keo trám silicone trung tính có khả năng chống chịu tốt đối với thời tiết, bức xạ UV, độ rung, độ ẩm, ozone, nhiệt độ khắc nghiệt, các chất ô nhiễm trong không khí, nhiều loại chất tẩy rửa và dung môi.

Sản phẩm là keo trám đàn hồi một thành phần có tính co giãn vĩnh viễn sau khi đóng rắn.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	VT-218	VT-218C
Cơ chế đóng rắn	: Oxime	: Oxime
Khối lượng riêng	: 0.99 g/mL	: 1.34 g/mL
Độ sụt, lún (ASTM D2202)	: ≤1 mm	: ≤1 mm
Cường độ kéo (ASTM D412)	: 1.3 N/mm ²	: 1.3 N/mm ²
Độ giãn dài tối đa (ASTM D412)	: 380 %	: 320 %
Độ cứng Shore A (ASTM C661)	: 23	: 37
Khả năng chuyển vị (ASTM C719)	: ±25%	: ±25%
Tuân thủ VOC thấp	: Đáp ứng	: Đáp ứng
Hàm lượng VOC thấp (Phương pháp USEPA 24)	: 108.95 g/L	: 88.10 g/L

ĐẶC TÍNH

- Cơ chế đóng rắn trung tính
- Tuân thủ VOC thấp
- Khả năng chuyển vị ±25%
- Bám dính tốt
- Co giãn vĩnh viễn
- Chống chịu thời tiết tốt
- Sử dụng trong nhà và ngoài trời

PHƯƠNG PHÁP THỬ/ TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

- VT-218 đáp ứng các yêu cầu sau:
- ASTM C920, Loại S, Bạc NS, Chương 25.
 - VOC thấp – Phương pháp USEPA 24.

ỨNG DỤNG

- Thích hợp để trám kín các mối nối bằng kim loại như mái lợp, máng xối và tấm ốp.
- Sản phẩm sẽ liên kết để tạo thành một lớp keo chống chịu thời tiết rất tốt trên hầu hết các loại vật thông thường như nhôm, thép mạ kẽm và tráng kẽm, bề mặt sơn, kính, gạch và bê tông.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

- Tất cả bề mặt phải được khô, và sạch; loại bỏ bụi bẩn, mỡ, dầu hoặc nước đọng.
- Để hoàn thiện gọn gàng hơn, sử dụng băng keo chuyên dụng và tháo bỏ ngay sau khi thi công.
- Sơn lót 602 được đặc biệt khuyến dùng cho các bề mặt rỗng, xốp như bê tông để có được độ bám dính tốt nhất.
- Đối với các khe trám được thiết kế có độ sâu trên 10 mm, sử dụng các vật liệu đệm đã được phê duyệt.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Cắt đầu ống thật cẩn thận.
- Cắt đầu vòi bơm theo đường kính thích hợp với một góc từ 45° đến 60°.
- Sử dụng súng bơm và bơm keo trám thành 1 đường.
- Miết keo trám bằng dụng cụ chuyên dụng sạch và khô khi keo trám còn ướt để tạo bề mặt trơn láng.

VỆ SINH

- Keo trám ướt có thể được lau sạch với acetone hoặc cồn khoáng.
- Keo trám sau khi đóng rắn chỉ có khả năng được loại bỏ bằng cơ học.

	VITAL TECHNICAL SDN. BHD.	 
	Tài liệu kỹ thuật	
	VT-218 / VT-218C Keo trám kính và kim loại	

Ngày ban hành: 31/03/08

Ngày cập nhật: 27/02/2023

Số cập nhật: 23-01

VT-218

Keo trám kính và kim loại

THIẾT KẾ MỐI NỐI

- Kích thước của đường keo trám nên được tính toán để phù hợp với khả năng nén và giãn của keo trám liên quan đến chiều rộng dự kiến của mối nối do sự giãn nở và co ngót.
- Thông thường, độ rộng của đường keo trám nên được tính toán dựa trên cơ sở khả năng chuyển vị tối đa $\pm 25\%$.
- Độ sâu tối thiểu của mối nối không được phép nhỏ hơn 6 mm để phù hợp với chuyển động.
- Tỷ lệ chiều rộng và chiều sâu của khe trám được thiết kế nên là 2:1.

ĐỊNH MỨC

Chiều rộng	Chiều sâu	Độ phủ (300 ml) *
mm	6 mm	7.58 mét
10 mm	10 mm	2.73 mét
20 mm	10 mm	1.36 mét
25 mm	12 mm	0.91 mét

* Định mức ở trên là gần đúng, dựa trên giả định hao hụt 10%. Định mức thực tế có thể thay đổi.

▪ Công thức tính:

$X / [(Y \times Z) \times 1.1] = \text{định mức}$

X = thể tích của ống (hay dạng xúc xích) ml

Y = độ rộng khe cm

Z = độ sâu khe cm

1.1 = hao hụt giả định 10%.

Định mức = độ dài kéo đạt được tính trên mỗi ống hoặc xúc xích.

HẠN CHẾ

Khuyến cáo không được sử dụng cho các ứng dụng sau:

- Ứng dụng kính kết cầu.
- Dưới nước hoặc ngâm trong nước vĩnh viễn.
- Các khu vực có sự lưu thông chịu mài mòn.
- Polycarbonate và polyacrylate, nếu chịu lực căng.
- Các ứng dụng yêu cầu keo trám được sơn phủ.
- Cao su tổng hợp.

CHÚ Ý

Sản phẩm giải phóng methyl ethyl ketoxime trong quá trình thi công và đóng rắn. Có thể gây dị ứng da. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Mang găng tay bảo vệ và kính bảo vệ mắt. **NEU DÍNH VÀO DA:** Rửa sạch bằng xà phòng và nước. **NEU VÀO MẮT:** Rửa sạch liên tục với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và để làm – tiếp tục rửa sạch. Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Hãy nhận sự tư vấn / chăm sóc y tế. Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế. Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Tránh xa tầm tay trẻ em.

Chứa aminosilane. Có thể gây nên dị ứng. Tài liệu hướng dẫn an toàn có sẵn theo yêu cầu. Để biết thêm thông tin về sức khỏe và an toàn, hãy tham khảo thêm tài liệu an toàn mới nhất.

GHI CHÚ PHÁP LÝ

Mọi nỗ lực đã được thực hiện để đảm bảo rằng thông tin được cung cấp ở đây là đúng sự thật và đáng tin cậy nhưng nó chỉ được cung cấp để hướng dẫn khách hàng của chúng tôi. Công ty không thể chịu bất kỳ trách nhiệm nào về mất mát hoặc thiệt hại có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin, do khả năng thay đổi của quá trình xử lý hoặc điều kiện làm việc và tay nghề nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Người tiêu dùng nên xác nhận tính phù hợp của sản phẩm này bằng các thử nghiệm trước khi sử dụng.